

Ngành, nghề: CNKT điện tử, truyền thông

Trình độ đào tạo: Trung cấp chính quy

Thiết bị, dụng cụ đào tạo, vật tư tiêu hao dùng trong giảng dạy:

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Máy vi tính	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
2	Máy chiếu	- Kích thước màn chiếu: $\geq (1800 \times 1800)$ mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens,	
3	Máy in	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - In khổ giấy A4, loại đen trắng	
4	Máy hàn khô	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Công suất: 1600W	Thực tập tại DN
5	Nguồn cấp điện một chiều	- Điện áp vào 220 VAC, - Điện áp ngõ ra gồm: 1 nguồn có giá trị điều chỉnh được từ $3 \div 36$ VDC, và các ngõ ra nguồn đối xứng: ± 5 VDC, ± 12 VDC, ± 35 VDC, - Công suất ≥ 300 W	
6	Tổng đài IP	- Dung lượng ≥ 20 máy	Thực tập tại DN
7	Tổng đài nội bộ (PABX)	- Dung lượng ≥ 8 máy	Thực tập tại DN
8	Bộ mẫu linh kiện điện tử	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
9	Anten	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
10	Bàn thực hành lắp đặt hệ thống an ninh,	- Kích thước chiều dài x chiều rộng x chiều cao = 2m x 1m x 0,8m, - Giá thẳng đứng, cao 1m,	Thực tập tại DN
11	Bàn thực hành lắp đặt hệ thống giám sát, báo động,	- Kích thước chiều dài x chiều rộng x chiều cao = 2m x 1m x 0,8m, - Giá thẳng đứng, cao 1m,	Thực tập tại DN

12	Bàn thực hành PLC cơ bản	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	Thực tập tại DN
STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
13	Bàn thực hành tháo, lắp	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	Thực tập tại DN
14	Bộ dò dây mạng âm tường	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
15	Bộ dụng cụ điện tử cầm tay	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
16	Bộ dụng cụ đo lường điện tử	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
17	Bộ dụng cụ lắp đặt cáp Quang	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
18	Bộ Linh kiện máy tính	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
19	Bộ phân phối tín hiệu(tích cực)	- Số kênh: ≥ 2	Thực tập tại DN
20	Bộ thiết bị điện tử văn Phòng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	Thực tập tại DN
21	Card mạng wifi	Chuẩn PCI Tốc độ truyền $\geq 100\text{Mb/s}$	
22	Đầu ghi hình camera tương tự	Loại thông dụng trên thị trường: số kênh vào >4 kênh	
23	Đầu thu truyền hình kỹ thuật số	- Loại thông dụng trên thị trường -Số kênh thu được tối thiểu ≥ 60 kênh, -Tương thích hoàn toàn với tiêu chuẩn SD/HD MPEG- 2/4 (H,264) và DVB-S2	Thực tập tại DN
24	Đĩa cài đặt game	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
25	Điện thoại bàn	- Loại thông dụng trên thị trường có tần số 1,9Ghz, có màn hình hiển thị số điện thoại	
26	Điện thoại bàn IP	- Loại thông dụng trên thị trường có 2 cổng Lan 10/100Mbps, màn hình hiển	

		thị số điện thoại	
27	Dụng cụ bảo hộ lao động	- Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động	
STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
28	Dụng cụ điện tử cầm tay	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
29	Dụng cụ sửa chữa máy tính cầm tay	Loại thông dụng trên thị trường	
30	Hệ thống âm thanh	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
31	Hệ thống camera giám sát an ninh có dây	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	Thực tập tại DN
32	Hệ thống camera giám sát an ninh không dây	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	Thực tập tại DN
33	Hệ thống lưu trữ	Hỗ trợ lưu trữ theo công nghệ NAS, lắp được ít nhất là 4 đĩa cứng	
34	Kít thực hành vi điều khiển đa năng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
35	Modem ADSL	4 cổng LAN, hỗ trợ các tiêu chuẩn ADSL, ADSL2, ADSL2+,...	Thực tập tại DN
36	Laptop	CPU: $\geq$ Core i3 RAM: $\geq$ 2GB RAM Hệ điều hành: Windows 7 trở về sau .Ổ cứng: $\geq$ 256G	
37	Máy chơi game PlayStation	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	Thực tập tại DN
38	Máy chủ (server)	Loại thông dụng, công suất 1000W	
39	Máy SACD	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
40	Máy server	- Chạy được hệ điều hành Server phổ biến, có ít nhất 3 ổ cứng hỗ trợ hỗ trợ chống lỗi ổ cứng (RAID 0, 1 và 5)	
41	Máy DVD	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
42	Máy DVDA	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
43	Tai nghe (Headphone)	- Loại tai nghe máy tính thông dụng trên thị trường, có micro	

44	Thiết bị chuyển mạch (Switch)	- Loại 24 cổng - Tốc độ: $\geq 100\text{Mb/s}$	
45	Thiết bị định tuyến (Router)	- Gồm 2 cổng nối tiếp, 2 cổng đồ họa mở rộng, 1 cổng màn hình	
STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
46	Thiết bị định tuyến không dây (Router Wifi)	- Tốc độ: $\geq 300\text{Mbps}$, - Số máy truy cập tối đa đồng thời ≥ 16 , - 01 cổng WAN, ≥ 2 cổng LAN, Số anten ≥ 2 ,	
47	Tivi	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	
48	Tủ mạng	Kích thước: $\leq (600 \times 2000 \times 800)$ mm - Có hệ thống làm mát	
49	USB	Dung lượng $\geq 4\text{GB}$	
50	Bộ đàm	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	Thực tập tại DN
51	Bộ thiết bị hội thảo, hội nghị truyền hình	Hệ thống được sử dụng trong phòng họp với diện tích phù hợp tối thiểu 20 mét vuông, phục vụ hội thảo tối thiểu 5 người	Thực tập tại DN
52	Tủ thuốc	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
53	Xe đẩy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
54	Túi cứu thương	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
55	Cáng cứu thương	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
56	Găng tay	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
57	Panh, kéo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
58	Hộp dụng cụ sơ cứu	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
59	Bình cứu hỏa dạng lỏng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
60	Bình cứu hỏa dạng khí	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	

61	Bình cứu hỏa dạng bột	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
62	Cuộn dây, vòi chữa cháy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
63	Hạng cấp nước	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
64	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
65	Quần áo bảo hộ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
66	Mũ bảo hộ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
67	Giày bảo hộ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
68	Khẩu trang bảo hộ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
69	Găng tay bảo hộ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
70	Loa	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
71	Máy in	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
72	Máy photocopy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
73	Điện thoại bàn thường	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
74	Máy Radio	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
75	Tivi	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
76	Micro	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
77	Dàn lọc	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
78	Camera	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
79	Bút chiếu Slide	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	
80	Phần mềm gõ Tiếng Việt	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	

